TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:09/2023/QĐST-HNGĐ	*Bỉm Sơn, ngày 06 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:02/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Ông Trịnh Văn L - Sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 98C đường Lê Đại H, tổ 1, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

2/ Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà 98C đường Lê Đại H, tổ 1, khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh T ngày 22/02/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên muốn giải thoát cho nhau. Vì vậy, hai bên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị N.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Trịnh Cao C(nam) sinh ngày 06/12/1990, cháu thứ hai tên là Trịnh Thị N(nữ) sinh ngày 15/8/1993. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí ly hôn sơ thẩm ông Trịnh Văn L nộp 150.000đ, bà Nguyễn Thị N nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận ông Trịnh Văn L nộp thay phần lệ phí ly hôn cho bà Nguyễn Thị N.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Trịnh Cao C (nam) sinh ngày 06/12/1990, cháu thứ hai tên là Trịnh Thị N (nữ) sinh ngày 15/8/1993. Các cháu đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ông Trịnh Văn L và bà Nguyễn Thị N mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận ông L nộp thay lệ phí ly hôn cho bà N nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn, theo biên lai thu số: AA/2021/0005318 ngày 11/01/2023. Như vậy, ông L, bà N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Đương sự;
- UBND xã H, huyện H(22/02/2006);
- Chi cục Thi hành án Bỉm Sơn;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ